

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2023

“Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Đăng Đông và bà Vũ Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn HS, xã TD, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1978; Nơi ĐKKHKT: Thôn HS, xã TD, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn PX, xã NQ, huyện TM, tỉnh Hải Dương.

(Anh H1, chị H2 đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc với Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Anh và chị Vũ Thị H2 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD năm 2015. Trước khi kết hôn, anh và chị H2 đều đã có vợ, có chồng nhưng anh đã ly hôn, còn chồng chị H2 đã mất. Hai bên thông cảm hoàn cảnh của nhau nên quyết định kết hôn cùng nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh một thời gian, sau đó cả hai vợ chồng đều vào tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống, đến tháng 3 năm 2022 do dịch bệnh Covid -19 và công việc trong Bình Dương không thuận lợi nên hai vợ chồng đã về quê sinh sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mặc dù vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân, không còn ăn chung, ngủ chung cùng nhau, việc của ai người đó làm, kinh tế độc lập không liên quan đến nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng giữa anh và chị H2 không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị H2 để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh và chị H2 có hai con chung là Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 16/5/2017 và Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 04/3/2019. Khi ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Do chị H2 cũng có quan điểm xin được nuôi dưỡng cả hai con chung nên anh đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tòa án giao cho anh nuôi con nào anh cũng nhất trí. Hiện nay, anh đang làm công nhân cho Công ty cổ phần Kỹ thương F1 tại xã VH, huyện BG, tỉnh Hải Dương. Lương hàng tháng công ty thanh toán cho anh dao động từ 11 đến 13 triệu đồng/tháng. Ngoài ra anh còn làm thêm lái xe dịch vụ khi có thời gian rảnh rỗi. Tổng thu nhập trung bình mỗi tháng của anh ổn định khoảng 15.000.000^d. Anh có nhà, đất riêng, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt. Anh làm giờ hành chính, được nghỉ thứ 7, chủ nhật nên có đủ điều kiện về mặt thời gian để chăm sóc con. Từ khi các con đi lớp, anh là người trực tiếp đưa đón các con và nộp tiền học cho các con. Nếu được nuôi con, ngoài anh là người trực tiếp nuôi dưỡng thì mẹ anh và anh sẽ thuê người giúp việc để có thể hỗ trợ trong việc trông nom con giúp anh. Anh không đồng ý để chị H2 nuôi dưỡng cả hai con chung bởi công việc, thu nhập, chỗ ở của chị H2 không ổn định. Mặt khác, chị H2 đi làm từ sáng sớm đến tối muộn (18 giờ) mới về nên không có đủ điều kiện thời gian chăm sóc các con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn là chị Vũ Thị H2 trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình tổ chức cuộc sống chung như anh H1 trình bày là đúng. Chị xác định khi kết hôn anh H1 nợ nần hàng tỷ đồng, chị đã chung tay cùng anh H1 để trả nợ xong. Thời gian gần đây anh H1 chơi bời, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chung thủy nên không muốn chung sống cùng chị, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột cãi nhau làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Chị đã nhẫn nhịn chịu đựng để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy các con vì các con còn nhỏ, tuy nhiên anh H1 ngày càng không tôn trọng chị. Nay anh H1 xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung như anh H1 trình bày. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu

cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm cho Công ty TNHH MTV thiết bị bảo hộ lao động và phòng cháy chữa cháy AT, thu nhập trung bình khoảng 18.000.000 đồng/tháng; ngoài ra vào ngày nghỉ, ngày lễ chị làm thêm công việc tổ chức sự kiện. Chị có nhà, đất riêng tại Hải Phòng. Ngoài ra chị đang đầu thầu 10 mẫu ruộng tại thôn T, xã TT, huyện TM để cấy lúa. Ngày 30/4/2023 chị đã cho hai con về quê ở tại NQ, TM, Hải Dương ở cùng bố mẹ đẻ chị. Bố mẹ chị hiện ở một mình nhà cửa rộng rãi, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt. Hiện nay bố mẹ chị trên 70 tuổi nhưng vẫn khỏe mạnh có thể hỗ trợ trong việc trông nom, đưa đón các cháu giúp chị. Nếu được nuôi hai con chị sẽ tạo mọi điều kiện để anh H1 thăm nom, chăm sóc con, không cản trở anh H1 có trách nhiệm với con. Chị không chấp nhận để anh H1 nuôi dưỡng con bởi anh H1 không đủ tư cách nuôi con, mặt khác hai con còn nhỏ, cần có sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ và chỉ có người mẹ mới nuôi dưỡng con được chu đáo. Việc anh H1 trình bày là anh ấy đưa đón con và nộp tiền học cho các con đó là sự thỏa thuận giữa chị và anh H1. Anh H1 mua sữa, đóng tiền học và đưa đón các con đi học, còn chị nuôi các con ăn uống, quần áo, ốm đau thuốc men, ... đó là sự thống nhất thỏa thuận trong gia đình, không phải chị bắt anh H1 phải làm những việc đó. Anh H1 trình bày hiện nay làm công nhân ở công ty và lái xe dịch vụ là hoàn toàn không đúng sự thật. Gia đình có 1 xe ô tô nhưng anh H1 chỉ dùng để đi chơi và đưa đón các con đi học, không chạy dịch vụ như anh H1 trình bày.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn Văn H1 được ly hôn chị Vũ Thị H2. *Về quan hệ con chung:* Giao cho anh Nguyễn Văn H1 nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 16/5/2017; chị Vũ Thị H2 nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 04/3/2019 đến khi mỗi con chung 18 tuổi. Anh H1, chị H2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. *Về quan hệ tài sản:* anh H1, chị H2 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. *Về án phí:* anh H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H1 khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn là chị Vũ Thị H2 cư trú tại thôn HS, xã TD, huyện BG, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân huyện Bình Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn H1 và chị Vũ Thị H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã TD, huyện BG, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/02/2015, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H1 và chị Vũ Thị H2 là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng anh H1, chị H2 hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Anh H1, chị H2 đều thừa nhận mặc dù vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân không còn ăn chung, ngủ chung cùng nhau, việc của ai người đó làm, kinh tế độc lập không liên quan đến nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng: tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau... Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ nhiều năm nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh H1 ly hôn chị H2.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh H1, chị H2 có hai con chung là Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 16/5/2017 và Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 04/3/2019. Hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cả anh H1 và chị H2 đều có đủ các điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con như chỗ ở, thu nhập, thời gian chăm sóc con..., các điều kiện này của các bên là tương đương nhau. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cho anh H1, chị H2 mỗi người nuôi dưỡng một con chung, cụ thể con chung Nguyễn Quỳnh T lớn hơn nên giao cho anh Nguyễn Văn H1 nuôi dưỡng, chị Vũ Thị H2 nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc Q. Anh H1, chị H2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Anh H1, chị H2 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh H1 khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H1.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H1 được ly hôn chị Vũ Thị H2.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H1 trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 16/5/2017; chị Vũ Thị H2 trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 04/3/2019 (hiện cả hai con chung đều ở cùng chị H2); đến khi mỗi con chung 18 tuổi, trưởng thành. Anh H1, chị H2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh H1, chị H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002248 ngày 16/12/2022. Anh Nguyễn Văn H1 đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4- Về quyền kháng cáo: Anh H1, chị H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã Thái Dương;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Nam